

Số: 1406/2026/QĐST-HNGĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 06 năm
2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các Điều 397, 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1254/2026/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 06 năm 2026 về việc: “Thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Hồ Hồng P**, sinh năm 1982; địa chỉ: **Số A Khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh**;

- Bà **Mai Hoàng N**, sinh năm 1990; địa chỉ: **Số A đường P, phường N, Thành phố Cần Thơ**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa ông **Hồ Hồng P** và bà **Mai Hoàng N** là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 41.HT.2009, quyển số 01 do **Ủy ban nhân dân phường N (xã A, quận N cũ)** cấp ngày 11/05/2009.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 02/06/2026 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 22/06/2026, ông **Hồ Hồng P** và bà **Mai Hoàng N** yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Về con chung, có 02 con chung là **Hồ Hồng A**, sinh ngày 02/03/2006 và **Hồ Như A1**, sinh ngày 26/06/2007. Tất cả đã trưởng thành. Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, ông **Hồ Hồng P** và bà **Mai Hoàng N** thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc không chia tài sản chung.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận ông **Hồ Hồng P** và bà **Mai Hoàng N** thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 41.HT.2009, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường N (xã A, quận N cũ) cấp ngày 11/05/2009 hết hiệu lực.

- Về con chung: Có 02 con chung là **Hồ Hồng A**, sinh ngày 02/03/2006 và **Hồ Như A1**, sinh ngày 26/06/2007. Tất cả đã trưởng thành.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí Tòa án: Ông **Hồ Hồng P** và bà **Mai Hoàng N** phải chịu lệ phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được cân trừ vào số tiền tạm nộp lệ phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai số: 0038049 ngày 16/06/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh; đương sự đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSNDKV7-TP.HCM;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- THADSTP.HCM-PTHADSKV7
- Lưu: Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đỗ Nguyễn Hà Hải